

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Ngày 30/12/2022, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 3726/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố được lập trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất năm 2030 của thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai, phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 35 của Luật đất đai 2013.

Ngày 23/3/2023, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Công văn số 2653/UBND-KTN về việc tham mưu ban hành bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện. Trong đó, UBND tỉnh chỉ đạo: “...*giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan khẩn trương, rà soát hồ sơ pháp lý các dự án và chịu trách nhiệm xác định, đảm bảo đủ điều kiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện...*”.

Ngày 27/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2138/STNMT-QH gửi UBND cấp huyện về việc trình hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2653/UBND-KTN ngày 23/3/2023 và văn bản 2138/STNMT-QH ngày 27/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Long Khánh đã thực hiện việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023 của địa phương.

2. Mục đích, yêu cầu:

2.1. Mục đích:

- Xác định nhu cầu sử dụng đất trong năm 2023, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình theo quy định tại Điều 61, 62 của Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 58 của Luật đất đai năm 2013; diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng phải xin phép theo quy định tại các Điểm a, b, c, d và e khoản 1, Điều 57 của Luật đất đai năm 2013.

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2023 của thành phố đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn thành phố Long Khánh.

2.2. Yêu cầu:

Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 phải phù hợp với Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện:

3.1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện:

- Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của hành phố Long Khánh;
- Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023; danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2023 của thành phố được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

- Công văn số 2653/UBND-KTN ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về việc tham mưu ban hành bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện;

- Công văn số 2138/STNMT-QH ngày 27/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc trình hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện.

- Các văn bản, chủ trương của UBND tỉnh về triển khai các dự án trên địa bàn thành phố Long Khánh;

- Kết quả Thống kê đất đai năm 2022; các công trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đất đai trong năm 2022; các trường hợp đã chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân;

- Và các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI:

1. Đặc điểm tự nhiên:

a. Vị trí địa lý:

Thành phố Long Khánh được thành lập theo Nghị quyết số 673/NQ-UBTVQH14, ngày 14/4/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về việc thành lập, giải thể, điều chỉnh địa giới hành chính một số đơn vị hành chính cấp xã và thành lập thành phố Long Khánh thuộc tỉnh Đồng Nai. Theo đó thành phố Long Khánh được thành lập với 11 phường: Xuân Bình, Xuân An, Xuân Trung, Xuân Hòa, Phú Bình, Xuân Thanh, Bàu Sen, Bảo Vinh, Suối Tre, Xuân Tân, Xuân Lập và 04 xã: Bình Lộc, Bàu Trâm, Bảo Quang và Hàng Gòn. Trên cơ sở 15 đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Long Khánh cũ.

Với vị trí địa lý thuộc phía Đông Nam của tỉnh Đồng Nai, phía Bắc giáp huyện Định Quán, phía Nam giáp huyện Cẩm Mỹ, phía Đông giáp huyện Xuân Lộc, phía Tây giáp huyện Thống Nhất.

Thành phố có tổng diện tích tự nhiên 19.297,83 ha, chiếm 3,29% diện tích tự nhiên tỉnh Đồng Nai, với 15 đơn vị hành chính (11 phường và 4 xã); thành phố Long Khánh có tuyến giao thông quan trọng như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 56, đường sắt Bắc Nam, đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây, cao tốc Bắc Nam đoạn Phan Thiết - Dầu Giây nối thành phố với các trung tâm kinh tế lớn trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, khu vực Nam Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ, do đó rất thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoài ra, thành phố Long Khánh còn là vùng nông nghiệp trù phú với nền đất đỏ bazan thích hợp với trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế cao. Với vị trí này rất thích hợp phát triển các loại hình du lịch sinh thái, đặc biệt là phát

triển các loại hình dịch vụ khi Sân bay Quốc tế được hình thành tại huyện Long Thành.

b. Địa hình:

Thành phố Long Khánh nằm trong vùng chuyển tiếp giữa Đồng bằng Sông Cửu Long và Tây Nguyên, độ cao trung bình so với mặt nước biển là 150m, địa hình thấp dần từ Đông Bắc sang Tây Nam, trên địa bàn thành phố có vài ngọn núi thấp: núi Nứa (Xuân Lập), núi Thị (Suối Tre), đèo Mạ bông con (Suối Tre - Xuân Lập).

Nhìn chung Long Khánh có địa hình tương đối bằng phẳng, kiến tạo nền địa chất tốt, rất thuận lợi cho phát triển trồng trọt, xây dựng công trình và phát triển kinh tế - xã hội.

c. Khí hậu:

Thành phố Long Khánh nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo với những đặc trưng chính như sau:

- Nắng nhiều (trung bình 2.600-2.700 giờ/năm), nhiệt độ cao đều trong năm (trung bình 25-26⁰C, tối thấp 21-22⁰C, tối cao 34-35⁰C), tổng tích ôn lớn (trung bình 9.409⁰C), rất thuận lợi cho thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa.

- Lượng mưa lớn (2.139 mm/năm), nhưng phân hóa sâu sắc theo mùa, trong đó: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 với lượng mưa chiếm trên 85-90% tổng lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với lượng mưa chỉ chiếm 10-15% tổng lượng mưa cả năm.

- Lượng bốc hơi trung bình 1.100-1.400 mm/năm, nhưng mùa khô lượng bốc hơi thường chiếm 64-67% tổng lượng bốc hơi cả năm, gây nên tình trạng mất cân đối về chế độ ẩm trong mùa khô, nhất là các tháng cuối mùa.

- Hầu như không có bão tố, giá lạnh và rất ít thiên tai, tạo lợi thế cho phát triển sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

Tuy nhiên, với sự biến đổi khí hậu toàn cầu đang diễn ra ngày càng phức tạp cũng là một thách thức cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ quy hoạch.

d. Thủy văn:

Các suối trên địa bàn thành phố Long Khánh có đặc điểm chung là ngắn và không sâu, về mùa nắng không có nước nên khả năng cung cấp nguồn nước mặt phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp bị hạn chế. Tuy khó khăn về nguồn nước mặt, nhưng có được thuận lợi về nguồn nước ngầm, thành phố Long Khánh có chung kết cấu địa tầng của vùng Đông Nam bộ, nền địa chất là đất

bazan có khả năng tiềm giữ nước tốt, làm cho vùng đất Long Khánh có trữ lượng nước ngầm khá lớn, có thể khai thác với lưu lượng cho mỗi lỗ khoan từ 500-600 m³/ngày, cơ bản đáp ứng được nhu cầu cấp nước trước mắt cho sinh hoạt và một phần cho sản xuất nông nghiệp.

2. Các nguồn tài nguyên:

a. Tài nguyên đất:

Nằm trên nền đá bazalt, đất Long Khánh được hình thành và phát triển lâu đời có chất lượng tốt. Đa phần là đất đỏ bazalt, là một trong những loại đất quý hiếm của cả nước, thích hợp với nhiều loại cây trồng và vật nuôi nhiệt đới. Trong phạm vi thành phố có 4 nhóm đất chính:

- Nhóm đất đỏ trên đá bazan (Ferrasols): Diện tích 11.488,13 ha, chiếm đến 60,43% diện tích tự nhiên, phân bố trên diện rộng, đặc biệt tập trung ở phía Tây và Tây Nam của Thành phố. Đây là nhóm đất điển hình của Thành phố, hình thành trên mẫu chất bazan, có độ phì cao hơn hẳn so với các loại khác và rất thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su) và cây ăn quả.

- Đất đen trên đá bazan (Luvisols): Diện tích 6.815,59 ha chiếm 35,85% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở các xã Bảo Quang, Bảo Vinh, Bàu Trâm. Đất đen được hình thành trên mẫu chất bazan, có hàm lượng lân tổng số cao, nghèo kali, thuận lợi cho phát triển cây ngắn ngày.

- Đất đá bọt (Andosols): Diện tích 658,42 ha, chỉ chiếm 3,46% diện tích tự nhiên, tầng đất mặt lẫn rất nhiều đá bọt, tập trung ở Hàng Gòn, Xuân Tân. Do tầng mặt có nhiều đá lẫn nên nhóm đất này ít thuận lợi cho trồng trọt, những khu vực thuận lợi nên chuyển sang xây dựng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

- Đất tầng mỏng (Leptosols): Diện tích chỉ có 49,01 ha, tầng hữu hiệu mỏng, nên không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

Nhìn chung, đất đai trên địa bàn của Thành phố thuộc loại đất tốt, địa hình ít dốc, tầng đất dày, hàm lượng dinh dưỡng khá, thích hợp với phát triển cây lâu năm cho hiệu quả kinh tế cao như cao su, tiêu, cà phê, cây ăn quả, số ít diện tích trên địa hình thấp cục bộ thích hợp với trồng lúa nước vào mùa mưa và rau, màu vào mùa khô. Tuy nhiên, bên cạnh các loại đất có độ phì nhiêu tốt rất thích hợp cho sản xuất nông nghiệp thì vẫn có một số diện tích đất không nhỏ là đất tầng mỏng, sỏi đá phân bố trên các đồi núi rất kém thích nghi cho sản xuất nông nghiệp.

b. Tài nguyên nước:

- Nước mặt: Hệ thống suối khá dày nhưng ngắn và nông, thường cạn kiệt vào mùa khô nên khả năng sử dụng nước mặt trong sản xuất nông nghiệp trong mùa khô rất hạn chế.

Nhìn chung, nguồn nước mặt hiện nay trên địa bàn thành phố sẽ khó đáp ứng nhu cầu cho thâm canh tăng vụ, tăng năng suất trên địa bàn sản xuất cây hàng năm, cần có phương án xây dựng thêm các công trình thủy lợi như hồ chứa, đập dâng trên địa bàn thành phố kết hợp với khai thác nước ngầm mới đáp ứng được nhu cầu nước cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp và đô thị trong tương lai.

- Nước ngầm: Nước ngầm trong khu vực thành phố Long Khánh chia thành 3 mức độ:

+ Nước ngầm giàu (mức chứa nước > 5l/s) chiếm 53% diện tích, phân bố ở các xã, phường Bình Lộc, Hàng Gòn, Bảo Quang, Bảo Vinh, một phần của các phường Bàu Sen, Xuân Tân, Xuân Lập giáp với xã Hàng Gòn.

+ Nước ngầm trung bình (mức chứa nước 1-5l/s) chiếm 29% diện tích, tập trung ở Phú Bình, Xuân Hoà, Suối Tre.

+ Nước ngầm nghèo (mức chứa nước < 1l/s) chiếm 10,4% diện tích, phân bố ở phía nam xã Hàng Gòn và khu vực giáp ranh giữa phường Suối Tre và Xuân Lập.

Nước ngầm trên địa bàn thành phố Long Khánh rất dồi dào, có thể khai thác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Về lâu dài, cần phải có quy hoạch khai thác nguồn nước ngầm để việc sử dụng nước đạt hiệu quả cao và bền vững.

c. Tài nguyên du lịch:

Điều kiện tự nhiên đã tạo cho thành phố có một số khu vực thiên nhiên như khu du lịch Suối Tre, khu du lịch Hòa Bình và các hồ đập trữ nước và kết hợp phát triển khu du lịch sinh thái như đập Lác Chiếu xã Bảo Quang, hồ Cầu Dầu xã Hàng Gòn, Hồ Suối Tre phường Suối Tre.

Thời Pháp thuộc, Long Khánh được đánh giá là “*Đà Lạt của Miền Đông Nam Bộ*”. Hiện nay các di tích lịch sử văn hóa được thành phố xây dựng, tôn tạo (khu di tích Tòa hành chính tỉnh; khu di tích Mộ cổ Cự Thạch - xã Hàng Gòn; Cụm di tích Đình Chùa Xuân Hòa), những lễ hội truyền thống của các Dân tộc, tôn giáo được tạo điều kiện tổ chức, giữ gìn và phát huy tốt. Đặc biệt khu du lịch văn hóa Suối Tre kết hợp vườn cây ăn quả tạo nên phong cảnh thiên nhiên hài hòa, hoang sơ đã trở thành khu giải trí hấp dẫn.

Nhìn chung, hoạt động du lịch có nhiều khởi sắc thông qua việc tổ chức các hoạt động quảng bá điểm du lịch, gắn với lễ hội trái cây Long Khánh được tổ chức hàng năm, thưởng thức ẩm thực, mô hình du lịch sinh thái vườn tiếp tục được nhân rộng. Nhiều nhà vườn đã cải tạo cảnh quang, liên kết các vườn cây ăn trái, sản xuất theo hướng an toàn, xây dựng vườn trái cây kiểu mẫu xanh, sạch, chất lượng đáp ứng nhu cầu tham quan của du khách, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế. Doanh thu từ hoạt động du lịch sinh thái vườn tăng từ 58 triệu đồng/ha đến 130 triệu đồng/ha (tăng từ 120% - 140%) so với hoạt động nông nghiệp thuần túy.

d. Tài nguyên khoáng sản:

Tài nguyên khoáng sản của thành phố không nhiều chủng loại, chủ yếu là đá và đất làm nguyên vật liệu xây dựng, san lấp. Hiện nay, mỏ đá Núi Nứa đang được khai thác làm vật liệu xây dựng với trữ lượng khoảng 20 triệu tấn. Ngoài ra còn có một số loại khoáng sản khác phục vụ nhu cầu san lấp trên địa bàn thành phố.

e. Tài nguyên nhân văn:

Nhân dân thành phố Long Khánh có truyền thống yêu nước, cần cù, yêu lao động, luôn phấn đấu xây dựng và phát triển địa phương phù hợp với nhịp điệu chung của xã hội; trong suốt quá trình xây dựng và phát triển những đặc tính đó luôn được phát huy và được ghi nhận trong đời sống xã hội bằng các công trình mang đậm nét văn hóa qua từng thời kỳ như các miếu, đình, đền,... ; các di tích lịch sử được nhà nước công nhận (Tòa hành chính tỉnh Long Khánh; cụm đình chùa Xuân Hòa; Mộ cổ Cự Thạch - Hàng Gòn), các di tích khảo cổ như di tích khai quật khảo cổ Cầu sắt xã Bình Lộc, Di tích khảo cổ Suối Chồn phường Bảo Vinh và các tập tục, lễ hội phi vật thể trong các cộng đồng dân cư.

Đến nay, mặt bằng dân trí trên địa bàn thành phố khá cao, người dân rất năng động trong phát triển kinh tế và nhạy bén với ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tích tụ quy mô sản xuất; nhiều tuyến dân cư có mức độ đô thị hóa khá cao, vừa tạo bản sắc riêng cho dân cư trên địa bàn thành phố, vừa phong phú hoá sinh hoạt đời sống tinh thần, về lâu dài có thể khai thác nét đặc sắc này vào phát triển du lịch.

3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội:

a. Về kinh tế: Long Khánh là một trong những đô thị trung tâm của tỉnh Đồng Nai và nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã góp phần phát huy mạnh mẽ những điều kiện về tiềm lực, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng về thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp, trong đó

tăng dần tỷ trọng các ngành dịch vụ có giá trị, phát triển nông nghiệp đô thị, xây dựng nông thôn mới.

Giá trị sản xuất công nghiệp ước thực hiện năm 2022 đạt khoảng 15.758,4 tỷ đồng, đạt 104,8% kế hoạch năm và tăng 22,7% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp ước thực hiện năm 2022 cao hơn so với kế hoạch một phần do dịch bệnh Covid -19 được kiểm soát ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trở lại bình thường. Đồng thời các doanh nghiệp đã tích cực mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cùng với việc chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid-19.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp do đã có hợp đồng từ đầu năm, các doanh nghiệp đều có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất nên vẫn duy trì hoạt động trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Các công ty, đặc biệt là công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đóng tại khu công nghiệp Long Khánh, Suối Tre đã áp dụng tốt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19, thường xuyên kiểm tra, kiểm soát tình hình dịch bệnh để đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động. Đến nay, trên địa bàn thành phố có 02 Khu công nghiệp Long Khánh và Suối Tre với 63 nhà đầu tư (32 nhà đầu tư trong nước và 31 nhà đầu tư nước ngoài), tổng diện tích cho thuê 265,08 ha, tạo việc làm cho hơn 24.368 lao động địa phương và các vùng lân cận.

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp 1.878,2 tỷ đồng, đạt 100,02% so kế hoạch, tăng 4,9% so cùng kỳ; trong đó: trồng trọt 989,2 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch, tăng 7,5% so cùng kỳ; chăn nuôi 833,8 tỷ đồng, đạt 95,8% kế hoạch, tăng 1,8% so cùng kỳ; dịch vụ nông nghiệp 55,2 tỷ đồng, đạt 98,2% kế hoạch, tăng 6,8% so cùng kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 89.076,3 tỷ đồng, đạt 106,1% kế hoạch năm, tăng 30,8% so cùng kỳ. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu, tuyên truyền Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Thực hiện các giải pháp thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa và tham gia các hội nghị giao thương trực tuyến; hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia bán hàng trên sàn giao dịch thương mại điện tử Đồng Nai. Tiếp tục thực hiện chương trình bình ổn giá một số mặt hàng thiết yếu có 04 hộ tham gia.

Thực hiện công tác quản lý nhà nước và phát triển các chợ trên địa bàn; rà soát thông tin dự án chợ trên địa bàn thành phố tích hợp vào quy hoạch chung của tỉnh Đồng Nai; tổ chức kiểm tra tình hình niêm yết giá bán, công tác phòng

cháy chữa cháy, tăng cường hoạt động của tổ kiểm tra an toàn thực phẩm và thực hiện các biện pháp vệ sinh phòng dịch tại chợ. Xây dựng các điểm kinh doanh thực phẩm an toàn theo chuỗi tại các chợ năm 2022 và đăng ký Chợ Xuân Thanh tham gia Dự án của tỉnh về truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

Giá trị sản xuất ngành xây dựng (giá so sánh 2010) 7.683,2 tỷ đồng, đạt 105,5% so KH và tăng 24,8% so năm 2021. Thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có nội dung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công; quán triệt ngay từ đầu năm và thường xuyên chỉ đạo chủ đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các dự án, nhất là các dự án trọng điểm; đồng thời hỗ trợ các công ty có vốn đầu tư nước ngoài tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà máy mới tại 02 khu công nghiệp để sớm đi vào hoạt động, ổn định sản xuất kinh doanh.

b. Về dân số: Theo Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2020, dân số trung bình của thành phố năm 2020 là 154.780 người, tỷ lệ dân số sống ở thành thị là 73,56% và nông thôn là 26,44%. mật độ dân số là 814 người/km². chiếm 5,01% tổng dân số toàn tỉnh. Tốc độ tăng trưởng dân số tự nhiên trên địa bàn đạt tương đối thấp giai đoạn 2016-2010 là 1,02%/năm. Trong đó, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm, từ 1,05% năm 2016 xuống còn 1,01% năm 2020.

Dân số cơ học tăng trong thời gian gần đây do sản xuất công nghiệp bắt đầu có sự phát triển nhanh. Dân số cơ học tăng đặt ra vấn đề đối với chính quyền địa phương trong việc giải quyết nhà ở, phúc lợi xã hội, môi trường và an ninh trật tự xã hội.

c. Về lao động - việc làm: Tổng lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của toàn thành phố là 92.640 người. Trong đó lao động phi nông nghiệp là 77.737 người và lao động trong nông lâm nghiệp là 14.903 người.

Đề tạo điều kiện cho chuyển đổi cơ cấu và nâng cao năng suất lao động, thành phố đã chú trọng công tác đào tạo bằng nhiều hình thức như đào tạo tại các cơ sở dạy nghề, hướng nghiệp tại thành phố, liên kết - hợp tác với bên ngoài để đào tạo; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 68% năm 2016 và 73,0% năm 2019, trung bình cho giai đoạn 2016-2020 là 73,0%; tỷ lệ đào tạo nghề đạt 58% năm 2016 và 70,0% năm 2019, trung bình cho giai đoạn 2016-2020 là 70,0%.

Triển khai Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia năm 2022; có thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia (Trường THPT Hoàng Diệu và Trường Tiểu học Bảo Vinh); nâng tổng số đến nay thành phố có 42/48 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 87,5%; trong đó 14/17

trường mầm non, mẫu giáo; 15/18 trường tiểu học, 10/10 trường THCS và 3/3 trường THPT.

4. Về đất đai:

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2022, tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 19.297,83 ha, trong đó đất nông nghiệp 16.153,07 ha, đất phi nông nghiệp 3.144,76 ha.

Tổng số giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp lần đầu là 131 giấy/131 thửa/40,65ha nâng tổng số cấp giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất 52.991 giấy/56.047 thửa/15.098,67 ha; chuyển mục đích sử dụng đất 500 thửa với diện tích là 340.442,8m², trong đó chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở là 233.845,4 m², chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa nước còn lại sang đất ở là 4.807,1 m², chuyển mục đích từ lúa nước còn lại sang đất trồng cây lâu năm là 101.790,3 m².

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn được tỉnh nói chung và thành phố nói riêng quan tâm thực hiện nhằm đáp ứng kịp thời cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, trong đó:

- Hoàn thành công bố, công khai hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh trên Trang Thông tin điện tử thành phố, Trụ sở UBND thành phố và UBND các phường, xã. Kiểm tra công tác công bố, công khai hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh trên địa bàn 15 phường, xã. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022 của thành phố. Triển khai lập bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Đối với công tác lập kế hoạch sử dụng đất: Thực hiện Luật đất đai năm 2013, từ năm 2015 đến nay, UBND thành phố đã thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh được duyệt với 51 dự án/186,34 ha. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay có 35 dự án với tổng diện tích 173,49 ha đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc xin phép chuyển mục đích sử dụng đất,.. đạt 68,63% về số lượng dự án và 93,10% về diện tích kế hoạch được duyệt còn lại 16 dự án với tổng diện tích 12,85 ha chưa triển khai thực hiện đạt 31,37% về số lượng dự án và 6,90% về diện tích kế hoạch được duyệt.

(Chi tiết các công trình, dự án được thể hiện tại Biểu 06/CH)

2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước:

Việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất của thành phố trong năm 2023 đã đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng được yêu cầu trong việc phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn thành phố.

Trong tổng số 51 dự án/186,34 ha, có 35 dự án/173,49 ha đang triển khai thực hiện, đạt 68,63% về số lượng dự án và 93,10% về diện tích kế hoạch được duyệt; chưa thực hiện 16 dự án/12,85 ha, đạt 31,37% về số lượng dự án và 6,90% về diện tích kế hoạch được duyệt. Bên cạnh những mặt đạt được còn một số tồn tại sau:

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của thành phố nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến tiến độ các dự án.

- Việc thực hiện dự án phải trải qua nhiều công đoạn như: chấp thuận chủ trương đầu tư để lập dự án; trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... nên mất nhiều thời gian, nhất là đối với những dự án có diện tích lớn. Do vậy, có nhiều dự án được đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện trước một số công đoạn và sẽ đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm tiếp theo để tiếp tục thực hiện.

- Một số dự án sử dụng vốn đầu tư không phải của thành phố nên địa phương không thể chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ không thuộc đối tượng được nhà nước thu hồi đất mà chủ đầu tư phải tự thỏa thuận nên tiến độ thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực này cũng chịu phụ thuộc vào năng lực của chủ đầu tư.

- Trong những năm gần đây, quy trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được quan tâm, cải tiến nhiều nhưng vẫn là công việc rất phức tạp, vẫn mất nhiều thời gian để thực hiện nên ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thực hiện của toàn dự án.

III. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023:

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh đã bám sát phương hướng nhiệm vụ năm 2023 tại Báo cáo số 2244/BC-UBND ngày 25/11/2022 của UBND thành phố Long Khánh về việc Báo cáo tình hình kinh tế

- xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và kế hoạch kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023. Cụ thể như sau:

1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023:

- Về lĩnh vực kinh tế:

+ Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ngành công nghiệp 18.531,9 tỷ đồng, tăng 17,6% so cùng kỳ.

+ Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ngành xây dựng 9.350,8 tỷ đồng, tăng 21,7% so cùng kỳ.

+ Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) ngành nông nghiệp 1.964 tỷ đồng, tăng 4,6% so cùng kỳ.

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 112.236,1 tỷ đồng, tăng 26% so cùng kỳ.

+ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 16.200 tỷ đồng.

+ Thu ngân sách theo dự toán (các khoản thu trong cân đối): đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

+ Duy trì và nâng cao chất lượng 04 xã nông thôn mới nâng cao, 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu, 03 khu dân cư kiểu mẫu; đến cuối năm 2023 có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 02 khu dân cư đạt chuẩn khu dân cư kiểu mẫu.

- Về lĩnh vực văn hoá - xã hội và môi trường:

+ Giữ vững ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%.

+ Giảm 30% hộ nghèo A trên tổng số hộ nghèo A.

+ Giải quyết việc làm 4.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo 75%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề 71%.

+ Trên 96% ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa; 98% hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 98% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; trên 75% doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; 100% phường đăng ký thực hiện phường đạt chuẩn đô thị văn minh theo Quyết định số 04/2022/QĐ-TTg ngày 18/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; duy trì 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

+ 100% thiết chế văn hóa cấp thành phố, các phường, xã và trên 90% Nhà Văn hóa ấp, khu phố hoạt động hiệu quả. Tỷ lệ hệ thống thông tin cơ quan nhà nước được phê duyệt theo cấp độ an toàn đạt 100%.

+ Giảm tỷ lệ trẻ em suy dưỡng cân nặng theo độ tuổi (dưới 5 tuổi) xuống còn 4,53%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dưỡng chiều cao theo độ tuổi (dưới 5 tuổi) xuống còn 9,87%. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%.

+ Duy trì tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%.

+ Tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt 9%; tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và tại các cơ sở cai nghiện đạt 18,5%, trong đó: tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt 11,5%, tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt 7%.

- Về Quốc phòng - an ninh:

+ Hoàn thành chỉ tiêu giao quân cả 2 cấp; hoàn thành chỉ tiêu xây dựng lực lượng dân quân tự vệ; hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng.

+ Giảm ít nhất 5% số vụ tội phạm về trật tự xã hội. Phát hiện nhiều hơn 5% vụ phạm tội ma túy.

+ 100% tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, xử lý, tỷ lệ giải quyết đạt trên 90%. Tỷ lệ điều tra khám phá án đạt trên 75% và án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trên 90%.

+ Kiểm chế, làm giảm số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng (không quá 13 vụ TNGT) và cháy nổ lớn (không quá 02 vụ cháy, nổ).

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực:

Căn cứ Công văn số 2653/UBND-KTN ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về việc tham mưu ban hành bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện và Công văn số 2138/STNMT-QH ngày 27/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc trình hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện; trên địa bàn thành phố Long Khánh sẽ thực hiện bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 15 dự án với tổng diện tích 84,07 ha các dự án được chuyển tiếp từ năm 2022 sang. Cụ thể

2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất:

- Có 10 dự án/78,61 ha do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất, đây là các dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, gồm:

+ Đất phát triển hạ tầng: có 08 dự án/74,39 ha, cụ thể:

* Đất giao thông: có 07 dự án/73,94 ha, gồm:

- (1) Đường Suối Chồn - Bà Cối (mở rộng) với diện tích 25,54 ha;
- (2) Đường Bình Lộc - Tín Nghĩa (mở rộng) với diện tích 20,53 ha;
- (3) Đường QL1 - Xuân Lập với diện tích 18,21 ha;
- (4) Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi với diện tích 2,17 ha;
- (5) Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương) với diện tích 5,95 ha;
- (6) Đường giao thông và công viên cây xanh dọc đường Huỳnh Văn Nghệ với diện tích 0,87 ha;
- (7) Xây dựng, mở rộng mặt đường, bố trí lòng chờ chuyển hướng tại hai nút giao QL1 - Hùng Vương (Điểm bến xe Long Khánh và điểm Công viên Tượng Đài) với diện tích 0,67 ha.

* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: có 01 dự án/0,45 ha là dự án Trường MN vành khuyên (mở rộng).

+ Đất ở tại đô thị: có 02 dự án/4,22 ha là dự án Trung tâm thương mại Xuân Bình và khu dân cư Long Khánh diện tích 2,26 ha và Khu dân cư dân tộc Chơ Ro phường Bảo Vinh diện tích 1,96 ha.

2.2. Các khu vực sử dụng đất khác:

Có 05 dự án/5,46 ha công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất theo điều 65 Luật đất đai 2013.

2.3. Bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 của hộ gia đình, cá nhân:

Căn cứ nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân năm 2023 trên địa bàn huyện theo điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 36 Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 02/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. UBND thành phố đã tổng hợp diện tích đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023 là 146,21 ha, gồm:

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở tại các phường, xã: 105,92 ha, trong đó chuyển từ đất trồng lúa là 12,01 ha.

- Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm tại các phường, xã là: 44,83 ha, trong đó chuyển từ đất chuyên trồng lúa là 5,0 ha.

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ; cơ sản xuất

kinh doanh phi nông nghiệp tại các phường, xã là: 0,46 ha.

Bảng 1: Số lượng công trình, dự án thực hiện trong năm 2023

TT	Mục đích sử dụng đất	Dự án trong KHSDD 2023 được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022		Dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023		Tổng dự án, công trình sau khi bổ sung	
		Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Số lượng dự án	Diện tích kế hoạch (ha)
1	Đất an ninh	3	0,53		-	3	0,53
2	Đất thương mại, dịch vụ	5	1,77		-	5	1,77
3	Đất phát triển hạ tầng	36	80,27	11	78,89	47	159,16
	<i>Trong đó:</i>						-
-	<i>Đất giao thông</i>	15	71,31	8	76,11	23	147,42
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>		-	1	1,20	1	1,20
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	3	1,79	2	1,58	5	3,37
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	1	1,14		-	1	1,14
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	4	1,57		-	4	1,57
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	1	0,03		-	1	0,03
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	12	4,43		-	12	4,43
4	Đất sinh hoạt cộng đồng	1	0,07		-	1	0,07
5	Đất ở tại đô thị	5	103,60	4	5,18	9	108,78
6	Đất tín ngưỡng	1	0,10		-	1	0,10
	Tổng	51	186,34	15	84,07	66	270,41

(Chi tiết danh mục công trình đính kèm tại Biểu 05/CH)

3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu bổ sung sử dụng đất năm 2023:

Ngày 23/12/2022, UBND thành phố Long Khánh có Tờ trình số 2430/TTr-UBND về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Ngày 27/12/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo thẩm định số 580/BC-STNMT về hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh;

Ngày 29/12/2022, Hội đồng Thẩm định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có Thông báo số 268/TB-HĐTĐQHKHSDD về thẩm định hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh;

Trên cơ sở Thông báo của Hội đồng Thẩm định, UBND thành phố đã chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ và có Tờ trình số 910/TTr-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Long Khánh;

Ngày 30/12/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh tại Quyết định số 3726/QĐ-UBND. Theo đó, hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố gồm 51 dự án/186,34ha.

Ngày 01/02/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 547/STNMT-QH gửi UBND cấp huyện về việc rà soát hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện;

Ngày 02/3/2023, UBND thành phố đã có Báo cáo số 309/BC-UBND gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc rà soát hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố;

Ngày 16/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 1809/STNMT-QH gửi Chủ tịch Hội đồng Thẩm định Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện về việc rà soát hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện;

Ngày 23/3/2023, UBND tỉnh có Công văn số 2653/UBND-KTN về việc tham mưu ban hành bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện;

Ngày 27/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 2138/STNMT-QH đề nghị UBND cấp huyện lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên cơ sở 253 dự án thuộc danh mục các dự án cấp thiết triển khai đầu tư thực hiện trong năm 2023 đã được UBND tỉnh chấp thuận. Theo đó, địa bàn thành phố Long Khánh có 15 dự án với tổng diện tích 84,61 ha.

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2653/UBND-KTN ngày 23/3/2023 và Văn bản 2138/STNMT-QH ngày 27/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Long Khánh lập hồ sơ bổ sung kế hoạch sử dụng đất của thành phố. Theo đó, chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh sau khi bổ sung các công trình, dự án như sau:

Bảng 2: Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	16.015,12	15.883,28	-131,84
	<i>Trong đó:</i>			-

UBND thành phố Long Khánh

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1.1	Đất trồng lúa	904,92	848,08	-56,84
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>581,04</i>	<i>574,04</i>	<i>-7,00</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	370,07	356,61	-13,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	14.594,20	14.532,88	-61,32
1.4	Đất rừng phòng hộ	4,74	4,74	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	38,89	38,83	-0,06
1.6	Đất nông nghiệp khác	102,28	102,13	-0,16
2	Đất phi nông nghiệp	3.282,71	3.414,55	131,85
	<i>Trong đó:</i>			<i>-</i>
2.1	Đất quốc phòng	17,06	17,06	-
2.2	Đất an ninh	67,85	67,85	-
2.3	Đất khu công nghiệp	400,83	400,83	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	55,48	55,80	0,33
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	95,21	94,51	-0,70
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	50,65	50,65	-
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1.202,04	1.246,32	44,28
	<i>Trong đó:</i>			<i>-</i>
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>785,02</i>	<i>830,50</i>	<i>45,49</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>160,42</i>	<i>160,18</i>	<i>-0,24</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>11,94</i>	<i>9,75</i>	<i>-2,19</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>16,15</i>	<i>17,41</i>	<i>1,26</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>50,30</i>	<i>50,63</i>	<i>0,33</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>15,52</i>	<i>15,52</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>4,76</i>	<i>4,76</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>1,47</i>	<i>1,46</i>	<i>-0,01</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>3,79</i>	<i>3,79</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>3,90</i>	<i>3,90</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>34,68</i>	<i>34,59</i>	<i>-0,09</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>70,50</i>	<i>70,25</i>	<i>-0,25</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>37,55</i>	<i>37,55</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>0,27</i>	<i>0,27</i>	<i>-</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>2,43</i>	<i>2,41</i>	<i>-0,02</i>
-	<i>Đất hạ tầng khác</i>	<i>3,36</i>	<i>3,36</i>	<i>-</i>
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	2,36	2,53	0,17
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	15,81	16,77	0,96
2.10	Đất ở tại nông thôn	356,91	388,52	31,61

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
2.11	Đất ở tại đô thị	837,20	892,43	55,23
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,44	14,44	-
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	2,10	2,10	-
2.14	Đất tín ngưỡng	3,28	3,25	-0,03
2.15	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	129,87	129,87	-
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	31,62	31,62	-
3	Đất chưa sử dụng	-	-	-

(Chi tiết thể hiện tại Biểu 02/CH)

3.1. Đất nông nghiệp:

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối với đất nông nghiệp là 15.883,28 ha. So với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 131,84 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, cụ thể:

- Đất trồng lúa: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đến năm 2023 là 848,08 ha, giảm 56,84 ha (đất chuyên trồng lúa nước giảm 7,0 ha) so với kế hoạch được duyệt, phần lớn diện tích là do nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Đất trồng cây hàng năm khác: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 356,61 ha, giảm 13,47 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 14.532,88 ha, giảm 61,32 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 4,74 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 38,83 ha, giảm 0,06 ha so với kế hoạch được duyệt.

Đất nông nghiệp khác: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 102,13 ha, giảm 0,16 ha so với kế hoạch được duyệt.

3.2. Đất phi nông nghiệp:

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 đất phi nông nghiệp có diện tích 3.414,55 ha tăng 131,85 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất quốc phòng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 17,06 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất an ninh: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 67,85 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất khu công nghiệp: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 400,83 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất thương mại, dịch vụ: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 55,80 ha, tăng 0,33 ha so với kế hoạch được duyệt nhu cầu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 94,51 ha, giảm 0,70 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 50,65 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- Đất phát triển hạ tầng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 1.246,32 ha tăng 44,28 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ Đất giao thông: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 830,50 ha, tăng 45,49 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất thủy lợi: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 160,18 ha, giảm 0,24 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 9,75 ha, giảm 2,19 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 17,41 ha, tăng 1,26 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 50,63 ha, tăng 0,3 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 15,52 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình năng lượng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 4,76 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 1,46 ha, giảm 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 3,79 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 3,90 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- + Đất cơ sở tôn giáo: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 34,59 ha, giảm 0,09 ha so với kế hoạch được duyệt.
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 70,25 ha, giảm 0,25 ha so với kế hoạch được duyệt.
- + Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 37,55 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- + Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 0,27 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- + Đất chợ: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 2,41 ha, giảm 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt.
- + Đất hạ tầng khác: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 3,36 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 2,53 ha, tăng 0,17 ha so với kế hoạch được duyệt.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 16,77 ha, tăng 0,96 ha so với kế hoạch được duyệt.
- Đất ở tại nông thôn: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 388,52 ha, tăng 31,61 ha so với kế hoạch được duyệt.
- Đất ở tại đô thị: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 893,04 ha, tăng 55,23 ha so với kế hoạch được duyệt.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 14,44 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 2,10 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- Đất tín ngưỡng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 3,25 ha, giảm 0,03 ha so với kế hoạch được duyệt.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 129,87 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2023 là 31,62 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

4. Sự phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt:

Kế hoạch sử dụng đất sau khi bổ sung các công trình đều đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5373/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

5. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2023 sau khi bổ sung công trình, dự án:

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất theo điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 Luật đất đai 2013 thể hiện bảng sau:

5.1. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng:

Bảng 3: Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSĐĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	137,95	269,80	131,85
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	6,49	18,50	12,01
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	2,81	4,81	2,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	28,37	41,84	13,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	102,89	209,04	106,15
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,20	0,26	0,06
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	0,16	0,16
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		44,83	44,83
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	-	44,83	44,83
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	5,01	7,19	2,18

(Chi tiết thể hiện tại Biểu 03a/CH)

5.2. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính:

Bảng 4: Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	141,82	276,36	134,54
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	6,49	18,50	12,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	2,81	4,81	2,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	28,17	41,78	13,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	106,96	215,66	108,70
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,20	0,26	0,06
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	0,16	0,16
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		44,83	44,83
	<i>Trong đó:</i>			-
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	-	44,83	44,83
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	5,01	5,01	-

(Chi tiết thể hiện tại Biểu 03b/CH)

6. Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi đất trong năm 2023 sau khi bổ sung công trình, dự án:

Bảng 5: Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch thu hồi đất trong năm 2023

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDD năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	136,44	158,67	22,23
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	6,49	6,49	-
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	2,81	2,81	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	28,37	29,05	0,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	101,38	122,71	21,33
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	0,20	0,26	0,06
1.5	Đất nông nghiệp khác	-	0,16	0,16
2	Đất phi nông nghiệp	44,84	89,51	44,67
	<i>Trong đó:</i>			-

TT	Mục đích sử dụng đất	Chỉ tiêu được duyệt theo quyết định số: 3726/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	Chỉ tiêu điều chỉnh KHSDĐ năm 2023	Tăng (+); Giảm (-)
2.1	Đất quốc phòng	1,75	1,75	-
2.2	Đất an ninh	0,01	0,01	-
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	0,83	0,96	0,13
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,18	0,88	0,70
2.5	Đất phát triển hạ tầng	29,27	51,71	22,44
	<i>Trong đó:</i>			-
-	Đất giao thông	22,98	44,68	21,70
-	Đất thủy lợi	0,56	0,80	0,24
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	0,27	0,28	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	0,04	0,04	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,83	0,95	0,12
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	0,09	0,09	-
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	-	0,01	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	4,42	4,51	0,09
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	-	0,25	0,25
-	Đất chợ	0,08	0,10	0,02
2.6	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,02	0,05	0,03
2.7	Đất ở tại nông thôn	0,06	14,53	14,47
2.8	Đất ở tại đô thị	11,74	18,61	6,87
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,14	0,14	-
2.10	Đất tín ngưỡng	0,05	0,08	0,03
2.11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,79	0,79	-
3	Đất chưa sử dụng			-

(Chi tiết thể hiện tại Biểu 04/CH)

7. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong năm kế hoạch:

Trong tổng số 15 dự án, có 10 dự án/78,82 ha với tổng diện tích cần phải thu hồi là 49,62 ha, chiếm 66,67% số lượng dự án và 93,76% diện tích kế hoạch được sử dụng vào các mục đích dài sẽ thực hiện thu hồi theo quy định tại Điều 62 và điều 65 của Luật Đất năm 2013 trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố.

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023:

Trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023, thành phố bố trí nhiều công trình, dự án trọng điểm, tập trung mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội không chỉ cho thành phố Long Khánh. Vì vậy, diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong

năm kế hoạch của thành phố là khá lớn. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong kế hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở như sau:

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh đồng nai;
- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Long Khánh, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của thành phố như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, tổng các khoản thu từ đất khoảng 6.678 tỷ đồng.
- Tổng chi từ đất khoảng 3.509 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu,...
- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là 3.169 tỷ đồng.

Dự kiến nguồn thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2023 được tính dựa trên nhu cầu sử dụng đất của địa phương. Với việc tập trung đầu tư trong năm đầu của giai đoạn định hướng phát triển trong thời gian 10 năm cùng với các khoản chi cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất để thực hiện tất cả các dự án trong năm 2023 tương đối cao. Do đó, cân đối nguồn thu chi liên quan đến đất đai của thành phố trong năm 2023 đạt mức tương đối thấp.

Nhìn chung, việc thực hiện dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là bước góp phần phát triển cho thành phố, cải tạo mỹ quan đô thị, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:

1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất:

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng hợp lý tài nguyên đất như đầu tư cải tạo đất, nâng cao độ phì của đất; trồng cây để bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất; thực hiện các biện pháp để làm giảm tối đa tác hại xói mòn đất do mưa và dòng chảy gây ra trên đất;

- Khuyến khích nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện đất đai và theo quy hoạch sử dụng đất; trồng các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với trồng các loại cây khác phù hợp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất và bảo vệ môi trường;

- Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp về nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; coi ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội.

1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Tăng cường giám sát bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản và khai thác vật liệu xây dựng; giám sát việc thực hiện Dự án ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường;

- Tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng về Luật bảo vệ môi trường để nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân, cộng đồng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kích thích sinh trưởng trong sản xuất nông nghiệp; khuyến khích nông dân sử dụng các phương pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp, hạn chế sử dụng phân vô cơ, dùng phân hữu cơ vi sinh làm căn bản trong sản xuất nông nghiệp;

- Khuyến khích thu hút đầu tư các công trình xử lý nước thải tập trung trên địa bàn thành phố; thực hiện nhanh các dự án cải tạo, khơi thông dòng chảy của các suối, hệ thống thoát nước trong thành phố; xây dựng hệ thống các trạm bơm thu gom nước thải về nơi xử lý tập trung; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý rác. Tăng cường thu gom chất thải chuyển về nơi xử lý và tiêu hủy chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường trong thành phố;

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra môi trường ở hai khu công nghiệp, các cơ sở sản

xuất kinh doanh, làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, khu đô thị; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng cải thiện điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng trên sản phẩm sản xuất, sản xuất thành phẩm, sử dụng ít lao động nhằm giảm áp lực tăng dân số cơ học cho thành phố;

2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

- Đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thuộc các ngành mũi nhọn của thành phố.

- củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai của địa phương; tăng cường bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực ngành tài nguyên và môi trường, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ cán bộ địa chính cấp phường, xã có đủ trình độ, năng lực và đạo đức, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân. Có chính sách khuyến khích thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Chú trọng công tác đào tạo qua việc mở các lớp tập huấn bồi dưỡng về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và nghiệp vụ về quản lý đất đai - môi trường theo phương thức hợp nhất liên ngành cho cán bộ công chức làm công tác quy hoạch, kế hoạch và mời các đơn vị tư vấn trực thuộc có nhu cầu đào tạo tham dự.

3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất:

3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện:

Sau khi bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

a. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

- Cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình khác sử dụng nguồn vốn ngân sách.

- Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất đúng quy định.

b. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường công tác quản lý, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

- Triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023, đảm bảo sự thống nhất chặt chẽ giữa các cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của thành phố.

c. Các Ban, ngành của thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã:

Bám sát chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất được duyệt để tổ chức thực hiện, khi có phát sinh nhu cầu mới cần báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo luật định.

3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất:

- Công bố công khai, kịp thời nội dung kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai; - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tình hình triển khai hiện các dự án, công trình theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhằm tránh tình trạng dự án treo, hoặc đầu cơ chờ cơ hội chuyển nhượng dự án để trục lợi. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất UBND tỉnh thu hồi diện tích đất đã giao hoặc đã cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê nhưng không hoặc chậm đưa đất đã được giao, được thuê vào sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả, sai mục đích.

4. Giải pháp khác:

4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ:

Xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về đất đai, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ:

- Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn phù hợp với cơ chế, chính sách chung của tỉnh; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị, đồng thời thu hút đầu tư phát triển hạ tầng và các dự án đô thị mới, để tiến tới mở rộng không gian đô thị; phát triển quỹ nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ tái định cư, xã hội hóa các dịch vụ về: văn hóa, y tế, giáo dục, dịch vụ, khoa học và công nghệ;

- Tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, xây dựng quan hệ đối tác với các nhà đầu tư tiềm năng như các tập đoàn kinh tế trong nước và nước ngoài. Phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh xây dựng các đề án huy động các nguồn vốn đầu tư từ thị trường tài chính trong nước, quốc tế, nguồn vốn ODA, FDI, vốn tín dụng phát triển của Nhà nước cho xây dựng hạ tầng, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực;

- Xây dựng kế hoạch về vốn đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là phát triển kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, bưu chính, viễn thông; ưu tiên phát triển các lĩnh vực: văn hóa, y tế, giáo dục....

V. KẾT LUẬN:

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành từ cấp huyện, cấp tỉnh và UBND các phường, xã.

Trong tổng số 15 dự án/84,61 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thì chiếm phần lớn là những dự án đã triển khai dang dở từ những năm trước chủ yếu là các công trình phục vụ mục đích chung của cộng đồng như: đường giao thông, giáo dục, văn hóa, y tế, tôn giáo...

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Long Khánh có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của thành phố trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời là công cụ quan trọng để các xã, phường trong thành phố thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước và thống nhất quản lý toàn bộ quỹ đất đai theo quy hoạch và pháp luật./

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Sự cần thiết lập bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Mục đích, yêu cầu.....	1
2.1. Mục đích	1
2.2. Yêu cầu	2
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở thực hiện.....	2
3.1. Căn cứ pháp lý	2
3.2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện	2
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI	3
1. Đặc điểm tự nhiên.....	3
2. Các nguồn tài nguyên	5
3. Về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	7
4. Về đất đai	10
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	10
1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	10
2. Những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước	11
III. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	11
1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023:	12
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực:	13
2.1. Các công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất:	13
2.2. Các khu vực sử dụng đất khác:	14
2.3. Bổ sung chỉ tiêu chuyên mục đích sử dụng đất năm 2023 của hộ gia đình, cá nhân:	14
3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu bổ sung sử dụng đất năm 2023	15
4. Sự phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt	21
5. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích trong năm 2023 sau khi bổ sung công trình, dự án	21
5.1. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất hiện trạng	21
5.2. Điều chỉnh Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 theo loại đất trong hồ sơ địa chính.....	21
6. Điều chỉnh Kế hoạch thu hồi đất trong năm 2023 sau khi bổ sung công trình, dự án.....	22
7. Danh mục các công trình, dự án bổ sung trong năm kế hoạch	23
8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023	23
IV GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	25
1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	25
1.1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất	25
1.2. Giải pháp về bảo vệ môi trường	25
2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	26
3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	26
3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện	26
3.2. Giải pháp quản lý và giám sát kế hoạch sử dụng đất	27
4. Giải pháp khác.....	27
4.1. Giải pháp về khoa học, công nghệ	27
4.2. Giải pháp về chính sách hỗ trợ	28
V. KẾT LUẬN	28